

Số: 11 /2018/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày 05 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định cụ thể một số nội dung thực hiện Luật ngân sách nhà nước về chấp hành và quyết toán ngân sách trên địa bàn tỉnh Điện Biên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 ngày 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính về quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ Thông tư số 85/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định việc quyết toán tình hình sử dụng vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định cụ thể một số nội dung thực hiện Luật ngân sách nhà nước về chấp hành ngân sách và quyết toán ngân sách trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2018. Quyết định số 1436/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc ban hành Quy định về thời gian xử lý số dư dự toán và gửi báo cáo quyết toán ngân sách hàng năm, Quyết định số 234/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành quy định, trình tự và thời gian lập, gửi, thẩm định và thông báo kết quả

quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- TT Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu quốc hội tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KT. *ph*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Maou
Mùa A Sơn

QUY ĐỊNH

**Cụ thể một số nội dung thực hiện Luật ngân sách nhà nước
về chấp hành và quyết toán ngân sách trên địa bàn tỉnh Điện Biên.**
(Kèm theo Quyết định số: *MT* /2018/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định này quy định cụ thể một số nội dung thực hiện Luật ngân sách nhà nước về chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh, bao gồm: Các tài liệu thuyết minh căn cứ và báo cáo phân bổ, giao dự toán ngân sách các đơn vị dự toán cấp I tại các cấp ở địa phương gửi cơ quan tài chính cùng cấp để phục vụ công tác kiểm tra, phân bổ, giao dự toán; Thời hạn, mẫu biểu cơ quan tài chính các cấp, Ủy ban nhân dân cấp dưới ở địa phương định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp, các cơ quan liên quan, cơ quan tài chính cấp trên về tình hình thực hiện thu, chi ngân sách địa phương, tình hình sử dụng các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên theo quy định của pháp luật; Thời gian gửi quyết toán hàng năm của đơn vị dự toán cấp I, các chủ đầu tư cho cơ quan tài chính cùng cấp và thời gian thẩm định quyết toán ngân sách của cơ quan tài chính; Trình tự lập, gửi, xét duyệt, thẩm định và thông báo kết quả thẩm định báo cáo quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước hàng năm đối với các nguồn vốn do ngân sách cấp xã, phường, thị trấn quản lý.

2. Đối tượng áp dụng:

Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã); Các đơn vị dự toán cấp I, các chủ đầu tư, cơ quan tài chính các cấp ở địa phương; Các cơ quan, đơn vị, tổ chức khác có liên quan đến hoạt động chấp hành và quyết toán ngân sách trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Tài liệu thuyết minh căn cứ và báo cáo phân bổ, giao dự toán

Các đơn vị dự toán cấp I thuộc tỉnh và các huyện khi gửi cơ quan tài chính cùng cấp Quyết định giao dự toán ngân sách hàng năm (theo các mẫu B, mẫu C phụ lục 2 kèm theo mẫu biểu số 48, số 49 Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính) phải gửi

kèm theo các tài liệu thuyết minh cơ sở phân bổ, giao dự toán theo các mẫu biểu từ số 38 đến mẫu biểu số 47.1 Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính để làm cơ sở cho cơ quan tài chính các cấp kiểm tra việc phân bổ, giao dự toán của các đơn vị dự toán cấp I cùng cấp.

Điều 3. Thời hạn và mẫu biểu báo cáo tình hình chấp hành ngân sách nhà nước

1. Định kỳ hàng tháng, sau 03 ngày kể từ khi nhận được báo cáo của cơ quan Kho bạc nhà nước cùng cấp, Sở Tài chính, Phòng Tài chính – Kế hoạch các huyện báo cáo Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân cùng cấp tình hình thực hiện thu, chi ngân sách địa phương theo các mẫu biểu số 01 đến mẫu biểu số 03 ban hành kèm theo Quy định này.

2. Định kỳ hàng tháng, quý sau 03 ngày kể từ khi nhận được báo cáo của Kho bạc nhà nước huyện, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã báo cáo cơ quan tài chính cấp trên về tình hình thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu chi ngân sách địa phương theo mẫu biểu số 01 đến mẫu biểu số 03 ban hành kèm theo Quy định này.

3. Hàng quý, Sở Tài chính, Phòng Tài chính – Kế hoạch, Ủy ban nhân dân (đối với cấp xã) báo cáo cơ quan tài chính cấp trên tình hình sử dụng các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên theo mẫu biểu số 04 ban hành kèm theo Quy định này.

Điều 4. Thời gian gửi, thẩm định báo cáo quyết toán ngân sách hàng năm

1. Các đơn vị dự toán cấp I thuộc tỉnh lập báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động thuộc phạm vi quản lý gửi về Sở Tài chính trước ngày 30 tháng 4 năm sau. Thời gian gửi báo cáo quyết toán của các đơn vị dự toán trực thuộc (cấp II, cấp III) do đơn vị dự toán cấp I quy định nhưng phải đảm bảo thời hạn để đơn vị dự toán cấp I gửi báo cáo quyết toán về Sở Tài chính theo quy định trên.

2. Thời gian gửi báo cáo quyết toán của các đơn vị dự toán thuộc ngân sách cấp huyện do Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định nhưng phải đảm bảo thời gian để đơn vị dự toán cấp huyện gửi báo cáo quyết toán về Sở Tài chính theo quy định.

3. Cơ quan tài chính các cấp trong thời gian tối đa 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo quyết toán của đơn vị dự toán cấp I cùng cấp có trách nhiệm thẩm định quyết toán của đơn vị dự toán cấp I theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

Điều 5. Thời hạn gửi, thẩm định báo cáo quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước hàng năm

1. Các nguồn vốn do cấp tỉnh quản lý:

a) Chủ đầu tư (hoặc Ban Quản lý dự án chuyên ngành, Ban Quản lý dự án khu vực) lập báo cáo quyết toán năm gửi các sở, ban, ngành cấp tỉnh hoặc cơ quan cấp trên được phân cấp quản lý của chủ đầu tư trước ngày 15 tháng 3 năm sau.

b) Các sở, ban, ngành cấp tỉnh (hoặc cơ quan cấp trên được phân cấp quản lý của chủ đầu tư) tổng hợp báo cáo quyết toán, thực hiện đối chiếu số liệu với Kho bạc nhà nước tỉnh và gửi báo cáo quyết toán năm cho Sở Tài chính trước ngày 30 tháng 4 năm sau.

c) Trong thời hạn 30 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo chế độ quy định), Sở Tài chính phải hoàn thành việc thẩm định và thông báo kết quả thẩm định quyết toán năm đối với các sở, ban, ngành tỉnh và các đơn vị trực thuộc.

2. Đối với vốn đầu tư do cấp huyện quản lý:

Thời hạn gửi và thẩm định báo cáo quyết toán do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định nhưng phải đảm bảo thời gian tổng hợp, lập, gửi báo cáo quyết toán ngân sách huyện hàng năm theo quy định.

3. Trình tự lập, gửi, xét duyệt, thẩm định và thông báo kết quả thẩm định đối với các nguồn vốn đầu tư do ngân sách cấp xã, phường, thị trấn quản lý:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư hàng năm gửi Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện. Trường hợp báo cáo quyết toán năm của Ủy ban nhân dân cấp xã lập chưa đúng quy định, Phòng Tài chính – Kế hoạch các huyện yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp xã giải trình, hoặc cung cấp thông tin, số liệu cần thiết, điều chỉnh những sai sót, hoàn chỉnh lại báo cáo hoặc lập lại báo cáo để xét duyệt.

b) Ủy ban nhân dân các xã phải đối chiếu, rà soát với Kho bạc nhà nước huyện, đảm bảo quyết toán vốn đầu tư niên độ ngân sách năm khi gửi cho Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện đã được đối chiếu đầy đủ và khớp đúng số liệu giữa đơn vị và Kho bạc nhà nước huyện.

c) Kho bạc nhà nước huyện tổng hợp báo cáo quyết toán các nguồn vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước thuộc xã quản lý, do Kho bạc nhà nước kiểm soát thanh toán, gửi Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện theo quy định.

d) Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện thẩm định và thông báo kết quả thẩm định quyết toán năm gửi Ủy ban nhân dân các xã và Kho bạc nhà nước huyện, các xã tổng hợp vào quyết toán ngân sách xã hàng năm trình Hội đồng nhân dân xã phê chuẩn.

Chậm nhất 05 ngày làm việc sau khi được Hội đồng nhân dân xã phê chuẩn quyết toán ngân sách xã, Ủy ban nhân dân xã gửi báo cáo quyết toán cho Phòng Tài chính – Kế hoạch để tổng hợp báo cáo theo quy định. Đồng thời Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện tổng hợp báo cáo quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước theo niên độ năm do ngân sách huyện quản lý gửi về Sở Tài chính và Kho bạc nhà nước theo mẫu biểu số 04/CQTH quy định tại Thông tư số 85/2017/TT-BTC ngày 15/8/2017 của Bộ Tài chính.

đ) Thời hạn gửi và thẩm định báo cáo quyết toán vốn đầu tư hàng năm các nguồn vốn do ngân sách cấp xã, phường, thị trấn quản lý do Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định, nhưng phải đảm bảo thời gian tổng hợp, lập, gửi báo cáo quyết toán ngân sách xã hàng năm theo quy định.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Giao Giám đốc Sở Tài chính có trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố thực hiện việc chấp hành và quyết toán ngân sách hàng năm theo các quy định của Luật ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn và các quy định cụ thể tại Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi Quy định cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Mùa A Sơn

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP THÁNG.... NĂM....

(Dùng cho cơ quan tài chính báo cáo UBND cùng cấp, UBND cấp huyện, xã báo cáo cơ quan tài chính cấp trên)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước... tháng so với (%)	
			Tháng...	Lũy kế... tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm....
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN					
I	Thu cân đối NSNN					
1	Thu nội địa					
2	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu					
3	Thu viện trợ					
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang					
B	TỔNG CHI NSDP					
I	Chi cân đối ngân sách địa phương					
1	Chi đầu tư phát triển					
2	Chi trả nợ lãi (1)					
3	Chi thường xuyên					
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (1)					
5	Dự phòng					
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương					
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên					
C	BỘI CHI NSDP/ BỘI THU NSDP (1)					
D	CHI TRẢ NỢ GỐC (1)					

* Ghi chú: (1) Không phát sinh nhiệm vụ chi tại ngân sách cấp huyện, xã.

ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN THÁNG NĂM

(Dùng cho cơ quan tài chính báo cáo UBND cùng cấp, UBND cấp huyện, xã báo cáo cơ quan tài chính cấp trên)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước... tháng so với (%)	
			Tháng...	Lũy kế... tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm....
A	B	1	2	3	4=3/1	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN					
I	Thu nội địa					
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước					
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài					
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh					
4	Thuế thu nhập cá nhân					
5	Thuế bảo vệ môi trường					
6	Các loại phí, lệ phí					
	<i>Trong đó: Lệ phí trước bạ</i>					
7	Các khoản thu về nhà, đất					
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp					
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp					
	- Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước					
	- Thu tiền sử dụng đất					
	+ Ngân sách tỉnh hưởng					
	+ Ngân sách huyện hưởng					
	+ Ngân sách xã hưởng					
	- Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước					
8	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết					
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản					
10	Thu khác ngân sách					
	<i>Trong đó: Thu khác cân đối ngân sách</i>					
11	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác					
II	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
III	Thu viện trợ					
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHẦN CẤP					
1	Từ các khoản thu phân chia					
2	Các khoản thu NSDP hưởng 100%					

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NSDP THÁNG.... NĂM

(Dùng cho cơ quan tài chính báo cáo UBND cùng cấp, UBND cấp huyện, xã báo cáo cơ quan tài chính cấp trên)
Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước... tháng so với (%)	
			Tháng...	Lũy kế... tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm....
A	B	1	2	3	4	5
	TỔNG SỐ CHI NSDP					
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP					
I	Chi đầu tư phát triển					
1	Chi đầu tư cho các dự án					
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp.					
3	Chi đầu tư phát triển khác					
II	Chi trả nợ lãi (1)					
III	Chi thường xuyên					
1	Chi quốc phòng					
2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội					
3	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề					
4	Chi khoa học và công nghệ					
5	Chi y tế, dân số và gia đình					
6	Chi văn hóa thông tin					
7	Chi phát thanh, truyền hình					
8	Chi thể dục thể thao					
9	Chi bảo vệ môi trường					
10	Chi các hoạt động kinh tế					
11	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể					
12	Chi bảo đảm xã hội					
13	Chi thường xuyên khác					
IV	Chi bổ sung Quỹ Dự trữ tài chính (1)					
V	Dự phòng ngân sách					
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương					
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP					
1	Chương trình MTQG					
2	Chi chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư					
3	Chi cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên					

* Ghi chú: (1) Không phát sinh nhiệm vụ chi tại ngân sách cấp huyện, xã.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG CÁC KHOẢN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU, QUÝ..... NĂM

(Dùng cho cơ quan tài chính cấp tỉnh, huyện, UBND cấp xã báo cáo cơ quan tài chính cấp trên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Dự toán giao			Tình hình thực hiện		So sánh với (%)		Ghi chú
		Tổng số	Giao đầu năm	Bổ sung trong năm	Quý ...	Lũy kế đến Quý...	Dự toán giao đầu năm	Tổng số dự toán giao	
A	B	1=2+3	2	3	4	5	6=5/2	7=5/1	8
	Tổng số								
I	Chương trình mục tiêu quốc gia								
1	Chương trình Giảm nghèo bền vững								
	- Vốn đầu tư								
	- Vốn sự nghiệp								
2	Chương trình Xây dựng Nông thôn mới								
	- Vốn đầu tư								
	- Vốn sự nghiệp								
	Bổ sung để thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ và các chương trình mục tiêu								
II	Bổ sung có mục tiêu (vốn đầu tư)								
1	Đầu tư các dự án từ nguồn vốn trong nước								
1.1	- Chương trình, dự án								
	- Chương trình, dự án								
1.2	Đầu tư các dự án từ nguồn vốn nước ngoài								
	- Chương trình, dự án								
	- Chương trình, dự án								
2	Bổ sung có mục tiêu (kinh phí sự nghiệp) (1)								
	- Chính sách ...								
	- Chính sách ...								
	- Chương trình mục tiêu...								
								

* Ghi chú: Sở Tài chính, Phòng Tài chính - kế hoạch các huyện, UBND cấp xã báo cáo chi tiết từng mục tiêu, chính sách theo Quyết định giao dự toán hàng năm của Bộ Tài chính, UBND cấp trên và các khoản phát sinh trong năm (nếu có). Trường hợp có các khoản Trung ương giao bổ sung có mục tiêu nhưng tại Quyết định giao dự toán của địa phương được giao trong chỉ cân đối ngân sách, giao Sở Tài chính hàng năm hướng dẫn các Phòng Tài chính - kế hoạch báo cáo cụ thể để đáp ứng yêu cầu báo cáo Bộ Tài chính.

